

Số: **81/2022/QĐST-HNGĐ**

Thanh Phú, ngày 21 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị T, sinh năm: 1988; địa chỉ: 90/9 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B.

2. *Bị đơn*: Anh Võ Minh H, sinh năm: 1989; địa chỉ: 90/9 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 115 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Võ Minh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: chị Đào Thị T và anh Võ Minh H thuận tình ly hôn.

Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Võ Trường A, sinh ngày: 20/6/2007 và Võ Trường H1, sinh ngày: 15/6/2010 (theo nguyện vọng của cháu A và cháu H1) và ghi nhận việc anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ

- Về tài sản chung: chị T và anh H thống nhất phân chia tài sản chung như sau:

Anh H có nghĩa vụ giao cho chị T số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn giao tiền vào ngày 30/10/2022.

Đồng thời ghi nhận việc chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản gồm : thửa đất số 343, tờ bản đồ số 23 cùng căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 343, tờ bản đồ số 23 và thửa đất số 42, tờ bản đồ số 23, ngôi nhà và các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B. Chị T và anh H trình bày sẽ tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Kể từ khi chị Đào Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Minh H chưa thi hành khoản tiền trên như thỏa thuận thì hàng tháng anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

- Về nợ chung: chị T và anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), chị T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004382, ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, còn lại số tiền 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được hoàn trả cho chị T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: 250.000 đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng), chị T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004383, ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, còn lại số tiền 2.750.000 đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) được hoàn trả cho chị T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung